



**BẢNG GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI
CỦA CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI TIỀN TIẾN**

(Kèm theo công văn số 156/CQLG-NLTS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa, đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)
(Công ty TNHH Phân Phối Tiên Tiến là đơn vị phân phối độc quyền các sản phẩm sữa của Công ty TNHH Mead Johnson Nutrition (Việt Nam))

TT	Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Mức giá đăng ký (Đã bao gồm VAT)	Giá bán lẻ khuyến nghị đến người tiêu dùng (đã bao gồm thuế VAT)
ĐVT: Đồng/Lon (hộp)					
1	Enfalac Premature powder	400g	Lon (hộp)	211.300	216.505
2	Enfalac Lactofree powder	400g	Lon (hộp)	190.500	195.202
3	Enfalac A+ Gentle Care	352g	Lon (hộp)	243.500	249.509
4	Pregestimil powder lipil	400g	Lon (hộp)	257.900	264.259
5	Nutramigen Power	400g	Lon (hộp)	288.800	295.921
6	Enfamil A + 1	400g	Lon (hộp)	209.877	215.050
7	Enfamil A + 1	900g	Lon (hộp)	427.610	438.150
8	Enfamil A+2	400g	Lon (hộp)	214.500	219.794
9	Enfamil A+2	900g	Lon (hộp)	407.408	417.450
10	Enfagrow A+ 3 vanilla	400g	Lon (hộp)	192.400	197.138
11	Enfagrow A+ 3 vanilla	650g	Lon (hộp)	258.900	265.283
12	Enfagrow A+ 3 vanilla	900g	Lon (hộp)	346.802	355.350
13	Enfagrow A+ 3 vanilla	1800g	Lon (hộp)	631.874	647.450
14	Enfagrow A+ 4 vanilla	400g	Lon (hộp)	163.300	167.322
15	Enfagrow A+ 4 vanilla	650g	Lon (hộp)	220.700	226.144
16	Enfagrow A+ 4 vanilla	900g	Lon (hộp)	331.000	339.159
17	ENFAMIL A+ 1 - 360° Brain Plus	400g	Lon (hộp)	253.200	259.439
18	ENFAMIL A+ 1 - 360° Brain Plus	900g	Lon (hộp)	525.200	538.144
19	ENFAMIL A+ 2 - 360° Brain Plus	400g	Lon (hộp)	242.800	248.788
20	ENFAMIL A+ 2 - 360° Brain Plus	900g	Lon (hộp)	499.800	512.123
21	ENFAGROW A+ 3 VANILLA - 360° Brain	400g	Lon (hộp)	218.000	223.374
22	ENFAGROW A+ 3 VANILLA - 360° Brain	650g	Lon (hộp)	293.400	300.627
23	ENFAGROW A+ 3 VANILLA - 360° Brain	900g	Lon (hộp)	442.300	453.199

24	ENFAGROW A+ 3 VANILLA - 360° Brain	1800g	Lon (hộp)	785.000	804.350
25	ENFAGROW A+ 4 VANILLA - 360° Brain	400g	Lon (hộp)	185.000	189.560
26	ENFAGROW A+ 4 VANILLA - 360° Brain	650g	Lon (hộp)	250.000	256.163
27	ENFAGROW A+ 4 VANILLA - 360° Brain	900g	Lon (hộp)	375.100	384.345
28	ENFAGROW A+ 4 VANILLA - 360° Brain	1800g	Lon (hộp)	683.900	700.759
29	ENFAMIL A+ LACTOFREE - 360° Brain	400g	Lon (hộp)	238.100	243.968
30	ENFAMIL GENTLECARE - 360° Brain	400g	Lon (hộp)	278.700	285.574
31	ENFAGROW A+ 3 CHOCO - 360° Brain	180ml	Lon (hộp)	17.360	17.786
32	ENFAGROW A+ 3 VANILLA 1 - 360°	180ml	Lon (hộp)	17.360	17.786
33	ENFAGROW A+ 4 CHOCO - 360° Brain	180ml	Lon (hộp)	17.360	17.786
34	ENFAGROW A+ 4 VANILLA - 360° Brain	180ml	Lon (hộp)	17.360	17.786

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA, GIÁ ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ GIÁ BÁN LẺ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA
CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM
(Kèm theo công văn số 156/CQ-LG-NLTIS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa, đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)

ĐVT: đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá bán buôn đăng ký (đã bao gồm VAT)	Giá bán lẻ khuyến nghị (đã bao gồm VAT)
1	FRISOLAC GOLD 1	400g	Hộp thiếc	196.000	196.000	220.000
2	FRISOLAC GOLD 1	900g	Hộp thiếc	406.000	406.000	448.000
3	FRISOLAC GOLD 2	900g	Hộp thiếc	400.000	400.000	441.000
4	FRISO GOLD 3	900g	Hộp thiếc	365.000	365.000	405.000
5	FRISO GOLD 3	1500g	Hộp thiếc	550.000	550.000	610.000
6	Dutch Baby GOLD STEP1	400g	Hộp thiếc	134.800	134.800	150.000
7	Dutch Baby GOLD STEP1	900g	Hộp thiếc	265.400	265.400	295.000
8	Dutch Baby GOLD STEP2	400g	Hộp thiếc	134.800	134.800	150.000
9	Dutch Baby GOLD STEP2	900g	Hộp thiếc	265.400	265.400	295.000
10	Dutch Lady 123 GOLD	900g	Hộp thiếc	229.800	229.800	255.000
11	Dutch Lady 123 GOLD VANILLA	1500g	Hộp thiếc	348.000	348.000	386.000
12	Dutch Lady 456 GOLD	900g	Hộp thiếc	215.300	215.300	239.000
13	Dutch Lady 456 GOLD	1500g	Hộp thiếc	372.800	372.800	414.000
14	FRISOLAC GOLD 2	400g	Hộp thiếc	210.300	210.300	233.000
15	FRISO GOLD 3	400g	Hộp thiếc	193.200	193.200	214.000
16	FRISO GOLD 4	900g	Hộp thiếc	341.800	341.800	379.000
17	Dutch Lady 123 GOLD BIB	1600g	Hộp giấy	355.300	355.300	394.000
18	Dutch Lady 123 GOLD BIB	2000g	Hộp giấy	444.000	444.000	493.000
19	Dutch Lady Complete	400g	Hộp thiếc	113.200	113.200	126.000
20	Dutch Lady Complete	900g	Hộp thiếc	226.500	226.500	251.000
21	FRISOLAC 2	900g	Hộp thiếc	278.300	278.300	309.000
22	FRISO 3	1500g	Hộp thiếc	380.800	380.800	423.000
23	FRISO 3	900g	Hộp thiếc	254.500	254.500	282.000
24	FRISO 4	900g	Hộp thiếc	235.500	235.500	261.000
25	FRISOLAC 1	900g	Hộp thiếc	280.600	280.600	311.000
26	FRISO GOLD 4	1500g	Hộp thiếc	584.100	584.100	648.000
27	Dutch Baby MAU LỚN BIB	400g	Hộp giấy	88.900	88.900	99.000
28	Dutch Baby MAU LỚN	400g	Hộp thiếc	110.600	110.600	123.000
29	Dutch Baby MAU LỚN	900g	Hộp thiếc	221.300	221.300	246.000
30	Dutch Lady TẬP ĐI BIB	400g	Hộp giấy	86.200	86.200	96.000
31	Dutch Lady TẬP ĐI	900g	Hộp thiếc	216.000	216.000	240.000

32	Dutch Lady KHÁM PHÁ		1500g	Hộp thiếc	286.600	286.600	318.000
33	Dutch Lady TÒ MÒ BIB		400g	Hộp giấy	75.800	75.800	84.000
34	Dutch Lady TÒ MÒ		900g	Hộp thiếc	189.900	189.900	211.000
35	Dutch Lady TÒ MÒ		1500g	Hộp thiếc	294.400	294.400	327.000
36	Dutch Lady KHÁM PHÁ BIB		400g	Hộp giấy	74.000	74.000	82.000
37	Dutch Lady KHÁM PHÁ		900g	Hộp thiếc	184.700	184.700	205.000
38	Dutch Lady KHÁM PHÁ		2000g	Hộp giấy	351.100	351.100	390.000
39	Dutch Lady SÁNG TẠO		1500g	Hộp thiếc	280.500	280.500	311.000
40	Dutch Lady SÁNG TẠO BIB		400g	Hộp giấy	72.300	72.300	80.000
41	Dutch Lady SÁNG TẠO		900g	Hộp thiếc	181.200	181.200	201.000
42	Dutch Lady SÁNG TẠO		2000g	Hộp giấy	344.100	344.100	382.000
43	FRISO GOLD PEDIA VANILLA		400g	Hộp thiếc	226.500	226.500	251.000
44	FRISO GOLD PEDIA VANILLA		900g	Hộp thiếc	472.100	472.100	524.000
45	FRISOLAC COMFORT		400g	Hộp thiếc	143.300	143.300	159.000
46	FRISOLAC PREMATURE		400g	Hộp thiếc	154.200	154.200	171.000
47	FRISOY		400g	Hộp thiếc	154.200	154.200	171.000

**BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ BÁN BUÔN ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM
DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY TNHH MEAD JOHNSON NUTRITION (VIỆT NAM)**

(Kèm theo công văn số 156/CQLG-NLTS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa,
đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)

ĐVT: Đồng/hộp						
STT	Tên sản phẩm	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá bán buôn đăng ký mới (đã bao gồm VAT)	Giá bán lẻ khuyến nghị tới người tiêu dùng (đã bao gồm VAT)
1	Enfamil A+ 1	400g	Hộp thiếc	187.000	187.000	215.050
2	Enfamil A+ 1	900g	Hộp thiếc	381.000	381.000	438.150
3	Enfamil A+ 2	900g	Hộp thiếc	363.000	363.000	417.450
4	Enfagrow A+ 3	900g	Hộp thiếc	309.000	309.000	355.350
5	Enfagrow A+ 3	1800g	Hộp thiếc	563.000	563.000	647.450
6	Enfalac Premature Formula	400g	Hộp thiếc	188.300	188.265	216.505
7	Enfalac Lactose Free	400g	Hộp thiếc	169.800	169.741	195.202
8	Enfalac A+ Gentle Care	352g	Hộp thiếc	217.000	216.964	249.509
9	Pregestimil	400g	Hộp thiếc	229.900	229.790	264.259
10	Nutramigen	400g	Hộp thiếc	257.500	257.323	295.921
11	Enfamil A + 2	400g	Hộp thiếc	191.200	191.125	219.794
12	Enfagrow A+ 3	400g	Hộp thiếc	171.500	171.424	197.138
13	Enfagrow A+ 3	650g	Hộp giấy	230.700	230.681	265.283
14	Enfagrow A+ 4	400g	Hộp thiếc	145.500	145.497	167.322
15	Enfagrow A+ 4	650g	Hộp giấy	196.700	196.647	226.144
16	Enfagrow A+ 4	900g	Hộp thiếc	295.000	294.921	339.159
17	Enfamil A + 1 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	225.600	225.599	259.439
18	Enfamil A + 1 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	468.000	467.951	538.144

19	Enfamil A + 2 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	216.400	216.337	248.788
20	Enfamil A + 2 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	445.400	445.324	512.123
21	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	194.300	194.238	223.374
22	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	650g	Hộp giấy	261.500	261.415	300.627
23	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	394.100	394.086	453.199
24	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	1800g	Hộp thiếc	718.900	699.435	804.350
25	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	164.900	164.835	189.560
26	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	650g	Hộp giấy	222.800	222.750	256.163
27	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	900g	Hộp thiếc	334.300	334.213	384.345
28	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	1800g	Hộp thiếc	609.400	609.356	700.759
29	Enfamil A+ Lactosefree 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	212.300	212.146	243.968
30	Enfamil A+ Gentle Care 360° Brain Plus	400g	Hộp thiếc	248.500	248.325	285.574
31	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466	17.786
32	Enfagrow A+ 3 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466	17.786
33	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466	17.786
34	Enfagrow A+ 4 360° Brain Plus	180 ml	Hộp giấy	15.470	15.466	17.786

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA, GIÁ BÁN BUÔN ĐĂNG KÝ VÀ GIÁ BÁN LẺ KHUYẾN NGHỊ
CÁC SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG 3A VIỆT NAM
(Kèm theo Công văn số 156/CQLG-NLTS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa, đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)

STT	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá bán buôn đăng ký (đã bao gồm VAT)	Giá bán lẻ khuyến nghị từ nhà phân phối đến người tiêu dùng (đã bao gồm VAT)
1	Abbott Grow 3	900g	Hộp thiếc	258,000.	258,000	271,000
2	Similac GainPlus IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	405,000	405,000	425,000
3	Similac GainPlus IQ (với Intelli-Pro)	1,7kg	Hộp thiếc	692,000	692,000	727,000
4	Grow G- power hương vani	900g	Hộp thiếc	360,000	360,000	378,000
5	Grow G- power hương vani	1,7kg	Hộp thiếc	610,000	610,000	641,000
6	Abbott Grow 1	400g	Hộp thiếc	148,000	148,000	155,000
7	Abbott Grow 1	900g	Hộp thiếc	308,000	308,000	323,000
8	Abbott Grow 2	400g	Hộp thiếc	145,000	145,000	152,000
9	Abbott Grow 2	900g	Hộp thiếc	293,000	293,000	308,000
10	Abbott Grow 3	400g	Hộp thiếc	127,000	127,000	133,000
11	Abbott Grow 4 (với DHA)	400g	Hộp thiếc	141,000	141,000	148,000
12	Abbott Grow 4 (với DHA)	900g	Hộp thiếc	295,000	295,000	310,000
13	Abbott Grow 4 (với DHA)	1,7kg	Hộp thiếc	511,000	511,000	537,000
14	Similac Newborn IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	247,000	247,000	259,000
15	Similac Newborn IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	514,000	514,000	540,000
16	Similac Gain IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	242,000	242,000	254,000
17	Similac Gain IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	505,000	505,000	530,000
18	Similac GainPlus IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	199,000	199,000	209,000
19	Grow G- power hương vani	400g	Hộp thiếc	178,000	178,000	187,000
20	Similac GainKid IQ (với Intelli-Pro)	400g	Hộp thiếc	201,000	201,000	211,000
21	Similac GainKid IQ (với Intelli-Pro)	900g	Hộp thiếc	415,000	415,000	436,000

Đơn vị tính: đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá bán buôn đăng ký (đã bao gồm VAT)	Giá bán lẻ khuyến nghị từ nhà phân phối đến người tiêu dùng (đã bao gồm VAT)
22	Similac IQ	59ml	Chai nhựa	13,000	13,000	13,000
23	Grow Advance Vanilla	115ml	Hộp giấy	8,300	8,300	8,300
24	Grow Advance Chocolate	115ml	Hộp giấy	8,300	8,300	8,300
25	Grow Advance Vanilla	180ml	Hộp giấy	14,000	14,000	14,000
26	Similac Neosure IQ	370g	Hộp thiếc	237,000	237,000	249,000
27	Similac Neosure IQ	900g	Hộp thiếc	534,000	534,000	561,000
28	Similac Neosure	59ml	Chai nhựa	11,000	11,000	11,000
29	Similac Total Comfort 1	360g	Hộp thiếc	264,000	264,000	277,000
30	Similac Gain Total Comfort	360g	Hộp thiếc	260,000	260,000	273,000
31	Similac Gain Total Comfort	820g	Hộp thiếc	562,000	562,000	590,000
32	Gain Plus Total Comfort	360g	Hộp thiếc	241,000	241,000	253,000
33	Gain Plus Total Comfort	820g	Hộp thiếc	543,000	543,000	570,000
34	Similac Special Care 24	59ml	Chai nhựa	11,000	11,000	11,000
35	Similac Special Care 30	59ml	Chai nhựa	14,000	14,000	14,000
36	Similac Special Care 24 HP	59ml	Chai nhựa	14,000	14,000	14,000
37	Similac Human Milk Fortifier	0,9g	Gói	10,000	10,000	10,000
38	Alimentum	400g	Hộp thiếc	337,000	337,000	354,000
39	Similac Spit - up Relief IQ	375g	Hộp thiếc	277,000	277,000	291,000
40	Similac Isomil IQ 1	400g	Hộp thiếc	277,000	277,000	291,000
41	Similac Isomil IQ 2	400g	Hộp thiếc	277,000	277,000	291,000
42	Similac Isomil IQ 3	400g	Hộp thiếc	250,000	250,000	263,000

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI
CỬA CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM
(Kèm theo công văn số 156/CQIG-MLTS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa, đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)

ĐVT: Đồng/hộp

ST T	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Mức giá đăng ký (Đã bao gồm VAT)		Giá bán lẻ khuyến nghị đến người tiêu dùng (đã bao gồm thuế VAT)
					Bán ra thị trường	Bán cho bệnh viện	
1	NAN Pro 3 LEB047 Tin VN	900 g	Hộp thiếc	334.000	334.000		384.000
2	NAN 2 BL InfMPwdr LEB011A-2 VN	800 g	Hộp thiếc	328.000	328.000		377.100
3	NAN 1 BL NWB019-4-S VN	800 g	Hộp thiếc	323.000	323.000		371.400
4	LACTOGEN 3 LCOMFORTISGoldLEB105	900 g	Hộp thiếc	226.000	226.000		259.900
5	NAN 2 BL InfMPwdr LEB011A-2 N5 VN	400 g	Hộp thiếc	183.000	183.000		210.400
6	NAN PRO 1 BL NWB019-4-S VN	400g	Hộp thiếc	182.903	182.903	164.612	210.300
7	NAN Kid 4 LNFBB003 Tin VN	900g	Hộp thiếc	324.166	324.166		372.700
8	PRE NAN B NW026-1 S VN	400g	Hộp thiếc	199.884	199.884	179.896	229.800
9	NAN AL 110 DS082-4 VN	400g	Hộp thiếc	162.041	162.041	145.837	186.300
10	NAN PELARGON BL NWKBB003 N5 VN	400g	Hộp thiếc	189.488	189.488	170.539	217.900
11	NAN HA NWHB222 VN	900g	Hộp thiếc	229.975	229.975	206.978	264.400
12	LACTOGEN GOLD 1 LR NWB050-1 VN	400g	Hộp thiếc	140.452	140.452	126.407	161.500
13	LACTOGEN GOLD 1 LR NWB050-1 VN	900g	Hộp thiếc	285.573	285.573		328.300
14	LACTOGEN 2 LR Gold LEB065 VN	900g	Hộp thiếc	258.566	258.566		297.200
15	LACTOGEN 4 LR Gold LNFBB001 Tin VN	900g	Hộp thiếc	237.727	237.727		273.400
16	LACTOGEN 1 Complete Tin VN	400g	Hộp thiếc	85.688	85.688	77.120	98.500
17	LACTOGEN 2 Complete Tin VN	900g	Hộp thiếc	163.625	163.625		188.100
18	LACTOGEN COMPLETE 3 LE100-1 VN	900g	Hộp thiếc	159.791	159.791		183.800

**BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ BÁN BUÔN ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO
TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TM&PT ORGANIC VIỆT NAM**

(Kèm theo công văn số 156/COLG-NLTS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa, đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)

DVT: Đồng/hộp

STT	Tên sản phẩm	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá bán buôn đăng ký mới (đã bao gồm VAT)	Giá bán lẻ khuyến nghị tới người tiêu dùng (đã bao gồm VAT)
1	Baby's Only Organic (0-12 tháng)	900g	Hộp thiếc	621.271	621.271	710.000
2	Baby's Only Organic (0-12 tháng)	360g	Hộp thiếc	336.522	336.522	380.000
3	Baby's Only Organic (12-36 tháng)	900g	Hộp thiếc	621.271	621.271	710.000
4	Baby's Only Organic (12-36 tháng)	360g	Hộp thiếc	336.522	336.522	380.000
5	Pedia Smart Vanilla	360g	Hộp thiếc	371.037	371.037	420.000
6	Pedia Smart Chocolate	360g	Hộp thiếc	371.037	371.037	420.000

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA VÀ GIÁ ĐĂNG KÝ ĐỔI VỚI SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 06 TUỔI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
(Kèm theo công văn số 156/CQLG-NLTTS ngày 17/6/2014 của Cục Quản lý giá về việc cung cấp bảng giá bán buôn tối đa, đăng ký giá, giá bán lẻ khuyến nghị)

Stt	Tên sản phẩm sữa	Trọng lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn tối đa (đã bao gồm VAT)	Giá đăng ký bán buôn (đã bao gồm VAT)
1	Dielac Alpha Step 1 HT	400g	Hộp	112.000	111.914
2	Dielac Alpha Step 1HT	900g	Hộp	180.000	179.993
3	Dielac Alpha Step 2 HG	400g	Hộp	92.200	92.169
4	Dielac Alpha Step 2HT	400g	Hộp	109.100	109.098
5	Dielac Alpha Step 2HT	900g	Hộp	188.000	187.990
6	Dielac Alpha 123 HG	400g	Hộp	72.000	71.995
7	Dielac Alpha 123 HT	400g	Hộp	97.900	97.812
8	Dielac Alpha 123 HT	900g	Hộp	167.000	166.991
9	Dielac Alpha 456 HG	400g	Hộp	80.900	80.883
10	Dielac Alpha 456 HT	900g	Hộp	190.000	189.981
11	Dielac Pedia 1+ HT	400g	Hộp	161.700	161.667
12	Dielac Pedia 1+ HT	900g	Hộp	278.000	277.992
13	Dielac Pedia 3+ HT	400g	Hộp	161.700	161.667
14	Dielac Pedia 3+ HT	900g	Hộp	341.300	341.209
15	Dielac Star Care HG	400g	Hộp	79.700	79.662
16	Dielac Star Care HT	400g	Hộp	93.200	93.115
17	Dielac Star Care HT	900g	Hộp	184.200	184.151
18	Optimum Step 1 HT	400g	Hộp	171.100	171.072
19	Optimum Step 1 HT	900g	Hộp	354.500	354.475
20	Optimum Step 2 HT	400g	Hộp	169.300	169.290
21	Optimum Step 2 HT	900g	Hộp	350.900	350.812
22	Optimum Step 3 HT	400g	Hộp	163.700	163.647
23	Optimum Step 3 HT	900g	Hộp	340.500	340.461
24	Optimum Step 4 HT	400g	Hộp	153.300	153.208
25	Optimum Step 4 HT	900g	Hộp	308.400	308.396
26	Ri.Alpha bò rau củ HT	350g	Hộp	72.500	72.424
27	Ri.Alpha bò rau củ HG	200g	Hộp	46.100	46.079
28	Ri.Alpha gà rau củ HG	200g	Hộp	46.100	46.079

29	Ri.Alpha gạo sữa HG	200g	Hộp	37.700	37.620
30	Ri.Alpha gạo sữa HT	350g	Hộp	58.400	58.311
31	Ri.Alpha gạo t.cây HG	200g	Hộp	43.800	43.736
32	Ri.Alpha heo bó xôi HG	200g	Hộp	46.100	46.079
33	Ri.Alpha heo bó xôi HT	350g	Hộp	72.500	72.424
34	Ri.Alpha heo cà rốt HG	200g	Hộp	46.100	46.079
35	Ri.Alpha heo cà rốt HT	350g	Hộp	72.500	72.424